BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1328/QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đính chính Thông tư số 157/2011/TT-BTC ngày 14/11/2011 của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 104/2004/NĐ-CP ngày 23/3/2004 của Chính phủ về Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính mã hàng và mô tả hàng hóa một số nhóm mặt hàng quy định tại Phụ lục I Biểu thuế xuất khẩu và Phụ lục II Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành theo Thông tư số 157/2011/TT-BTC ngày 14/11/2011 của Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012 và là một phần không tách rời của Thông tư số 157/2011/TT-BTC ngày 14/11/2011 của Bộ Tài chính.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế, Chánh văn phòng Bộ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TUQ. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Đức Chi

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHÓM MẶT HÀNG ĐÍNH CHÍNH MÃ HÀNG VÀ MÔ TẢ HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1328/QĐ-BTC ngày 29/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
Đã in						**Sửa lại là**				
I. Biểu thuế xuất khẩu										
44.02			**Than củi (kể cả than đốt từ vỏ quả hoặc hạt), đã hoặc chưa đóng thành khối**			**44.02**			**Than củi (kể cả than đốt từ vỏ quả hoặc hạt), đã hoặc chưa đóng thành khối**	
4402	10	00	- Của tre	10		4402	10	00	- Của tre	10
			- Loại khác:			***4402***	***90***		- Loại khác:	
4402	90	00	- - Than gáo dừa	0		4402	90	***10***	- - Than gáo dừa	0
4402	90	00	- - Loại khác	10		4402	90	***90***	- - Loại khác	10
44.04			**Gỗ đai thùng; cọc chẻ; sào, cột và cọc bằng gỗ, vót nhọn, nhưng không xẻ dọc; gậy gỗ, đã cắt nhưng chưa tiện, uốn cong hoặc gia công cách khác, phù hợp cho sản xuất ba toong, cán ô, chuôi, tay cầm dụng cụ hoặc tương tự; dăm gỗ và các dạng tương tự**			**44.04**			**Gỗ đai thùng; cọc chẻ; sào, cột và cọc bằng gỗ, vót nhọn, nhưng không xẻ dọc; gậy gỗ, đã cắt nhưng chưa tiện, uốn cong hoặc gia công cách khác, phù hợp cho sản xuất ba toong, cán ô, chuôi, tay cầm dụng cụ hoặc tương tự; *nan gỗ (chipwood)* và các dạng tương tự**	

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
Đã in						**Sửa lại là**				
II. Biểu thuế nhập khẩu										
						0501	***00***	***00***	***Tóc người, chưa xử lý, đã hoặc chưa rửa sạch hoặc gột tẩy; phế liệu tóc.***	***5***
			PHẦN CHƯƠNG VII						**PHẦN CHƯƠNG VII**	
			AXIT CARBOXYLIC VÀ CÁC ALHYDRIT, HALOGENUA, PEROXIT VÀ PEROXYAXIT CỦA CHÚNG VÀ CÁC DẪN XUẤT HALOGEN HÓA, SUNFONAT HÓA, NITRO HÓA HOẶC NITROSO HÓA						**AXIT CARBOXYLIC VÀ CÁC ALHYDRIT, HALOGENUA, PEROXIT VÀ PEROXYAXIT CỦA CHÚNG VÀ CÁC DẪN XUẤT HALOGEN HÓA, SUNFONAT HÓA, NITRO HÓA HOẶC NITROSO HÓA CỦA CÁC CHẤT TRÊN**	
3204	19	00	- - Loại khác, kể cả hỗn hợp từ hai loại chất màu trở lên của các phân nhóm từ 3204.11 đến 3204.19	0		3204	19	00	- - Loại khác, kể cả hỗn hợp ***chất màu từ hai phân nhóm*** (của các phân nhóm từ 3204.11 đến 3204.19) ***trở lên***	0
3307	90	50	- - Dung dịch nhỏ mắt khi đeo kính áp tròng hoặc mắt nhân tạo	15		3307	90	50	- - Dung dịch ***dùng cho*** kính áp tròng hoặc mắt nhân tạo	15
44.04			**Gỗ đai thùng; cọc chẻ; sào, cột và cọc bằng gỗ, vót nhọn, nhưng không xẻ**			**44.04**			**Gỗ đai thùng; cọc chẻ; sào, cột và cọc bằng gỗ, vót nhọn, nhưng không xẻ**	

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
Đã in						**Sửa lại là**				
			dọc; gậy gỗ, đã cắt nhưng chưa tiện, uốn cong hoặc gia công cách khác, phù hợp cho sản xuất ba toong, cán ô, chuôi, tay cầm dụng cụ hoặc tương tự; dăm gỗ và các dạng tương tự						**dọc; gậy gỗ, đã cắt nhưng chưa tiện, uốn cong hoặc gia công cách khác, phù hợp cho sản xuất ba toong, cán ô, chuôi, tay cầm dụng cụ hoặc tương tự; *nan gỗ (chipwood)* và các dạng tương tự**	
5402	59	90	- - - Loại khác	0		5402	59	90	- - - Loại khác	0
			- Sợi khác, nhiều (đã được gấp) hoặc sợi cáp:						- Sợi khác, **sợi xe (folded)** hoặc sợi cáp:	
5402	61	00	- - Từ ni lông hoặc các polyamit khác	0		5402	61	00	- - Từ ni lông hoặc các polyamit khác	0
84.09			**Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08**			**84.09**			**Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08**	
			- - - Dùng cho xe của nhóm 87.01:						- - - Dùng cho xe của nhóm 87.01:	
8409	99	26	- - - - Piston, có đường kính trong từ 50 mm trở lên nhưng không quá 155 mm	10		8409	99	26	- - - - Piston, có đường kính ***ngoài*** từ 50 mm trở lên nhưng không quá 155 mm	10
8702			**Xe ôtô chở 10 người trở lên, kể cả lái xe**			**8702**			**Xe ôtô chở 10 người trở lên, kể cả lái xe**	
			- - - Xe chở người từ 30 chỗ trở lên hoặc xe được thiết kế đặc biệt để sử dụng trong sân bay:						- - - Xe ***chở từ 30 người trở lên và*** được thiết kế đặc biệt để sử dụng trong sân bay:	

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
Đã in						**Sửa lại là**				
8702	10	71	- - - - Tổng trọng lượng có tải tối đa từ 6 tấn nhưng không quá 18 tấn	5		8702	10	71	- - - - Tổng trọng lượng có tải tối đa từ 6 tấn nhưng không quá 18 tấn	5
8702	10	79	- - - - Loại khác	5		8702	10	79	- - - - Loại khác	5
8711	90	54	- - - Loại khác, có dung tích xi lanh không quá 500cc	70		8711	90	54	- - - Loại khác, có dung tích xi lanh ***trên*** 500cc	70
98.21			**Bộ linh kiện rời đồng bộ và không đồng bộ của ôtô để sản xuất, lắp ráp ôtô**			**98.21**			**Bộ linh kiện rời đồng bộ và không đồng bộ của ôtô để sản xuất, lắp ráp ôtô**	
9821	10		- Của xe ôtô chở 10 người trở lên:			9821	10		- Của xe ôtô chở 10 người trở lên:	
			- - Loại động cơ đốt trong đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel):						- - Loại động cơ đốt trong đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel):	
9821	10	11	- - - Của xe chở người từ 30 chỗ trở lên hoặc xe được thiết kế đặc biệt để sử dụng trong sân bay	5		9821	10	11	- - - Của xe ***chở từ 30 người trở lên và*** được thiết kế đặc biệt để sử dụng trong sân bay	5
9821	10	19	- - - Loại khác	70		9821	10	19	- - - Loại khác	70
9821	30		- Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa:	***50***		9821	30		- Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa:	